TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2026/HNGĐ-ST;
Ngày: 24 - 6 - 2026.

Về việc "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Mỹ Hà;
2. Ông Nguyễn Văn Hoa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 502/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: anh **Lê Thanh N** – sinh năm 1998;

Hộ chiếu số: C5186114;

Địa chỉ: A S, T, ID H, Hoa Kỳ (American);

* Bị đơn: chị **Nguyễn Kim Hồng P** – sinh năm 1998;

CCCD số: 082198006652;

Địa chỉ: ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp;

(anh N, chị P có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bảng tự khai, nguyên đơn anh Lê Thanh N trình bày:

- Về hôn nhân: Qua tìm hiểu, anh N và chị P tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2025, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2025 ngày 31/10/2025. Do anh N ở nước ngoài còn chị P ở Việt Nam, sau khi cưới, anh trở lại Hoa Kỳ nên thời gian anh chị chung sống với nhau không lâu. Vì vậy, giữa anh chị đã nhanh chóng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến tình cảm phai nhạt dần. Anh N và chị P đã sống ly thân từ tháng 12/2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không thể đoàn tụ gia đình được. Nay anh N thấy tình cảm không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh N yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Kim Hồng P.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Theo bản tự khai ngày 01/6/2026, bị đơn chị Nguyễn Kim Hồng P trình bày:

Qua tìm hiểu, chị P và anh N tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2025, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2025 ngày 31/10/2025. Do anh N ở nước ngoài nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay với yêu cầu ly hôn của anh N, chị đồng ý.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Anh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị P nên xác định đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện cư trú tại xã V, tỉnh Đồng Tháp; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn anh Lê Thanh N và bị đơn chị Nguyễn Kim Hồng P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị P.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thanh N, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh N và chị P trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn; hôn nhân có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 82/2025 ngày 31/10/2025, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh N xin ly hôn với lý do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến tình cảm phai nhạt dần. Anh N và chị P đã sống ly thân từ tháng 12/2025 cho đến nay. Chị P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho anh N ly hôn với chị P.

[3] Về con chung: Anh N và chị P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh N và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh N và chị P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 469; Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2025;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh N. Cụ thể:

1. Cho anh Lê Thanh N được ly hôn với chị Nguyễn Kim Hồng P.

2. Về án phí: Anh Lê Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh N đã nộp theo biên lai thu số 0007911 ngày 19/05/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp; xem như anh N đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Lê Thanh N đang ở Hoa Kỳ (A) xin vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Kim Hồng P đang ở Việt Nam xin vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Đặng Văn Lắm